

ctu hcc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 298 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Quyết định 3355A/QĐ-BCT ngày 29/8/2017 của Bộ Công Thương về việc công bố thực hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Quyết định 4705/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Quyết định 4707/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/ thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Quyết định 201/QĐ-BCT ngày 17/01/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ hoặc sửa đổi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Quyết định 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thực hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực thương mại quốc tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Quyết định 416/QĐ-BCT ngày 31/01/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thực hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Quyết định 1129/QĐ-BCT ngày 12/4/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thực hành chính mới ban hành/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý cạnh tranh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Quyết định 2089A/QĐ-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thực hành chính mới ban hành/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Quyết định 2195/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của Bộ Công Thương công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Quyết định 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ bị bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh khí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Quyết định 3248A/QĐ-BCT ngày 07/9/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố bộ thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Quyết định 4501/QĐ-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Quyết định 5113/QĐ-BCT ngày 28/12/2018 của Bộ Công Thương phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2018;

Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 4928/TTr-SCT ngày 27/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi/bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương; UBND cấp huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (*danh mục & nội dung thủ tục đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trong đó có một số thủ tục hành chính được ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi/bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ như sau:

1. Ban hành mới 14 thủ tục (07 thủ tục cấp tỉnh, 05 thủ tục cấp huyện và 02 thủ tục cấp xã) cụ thể như sau:

a) Cấp tỉnh:

- *Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện: 05 thủ tục*

+ Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

+ Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

+ Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

+ Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện.

- *Lĩnh vực Thương mại quốc tế: 02 thủ tục*

+ Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động.

+ Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

b) Cấp huyện:

- *Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện: 02 thủ tục*

+ Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

+ Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- *Lĩnh vực An toàn thực phẩm: 03 thủ tục*

+ Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

+ Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

+ Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân.

c) Cấp xã:

- *Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện: 02 thủ tục*

+ Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã.

+ Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã.

2. Sửa đổi/bổ sung, thay thế các thủ tục cấp tỉnh cụ thể như sau:

- Lĩnh vực Xúc tiến thương mại:

+ Sửa đổi thủ tục “Đăng ký hoạt động khuyến mại” **thành** “Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương”.

+ Sửa đổi thủ tục “Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại” **thành** “Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương”.

+ Sửa đổi thủ tục “Đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại” **thành** “Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam”.

+ Sửa đổi thủ tục “Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại” **thành** “Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam”.

- Lĩnh vực Hóa chất:

+ Sửa đổi thủ tục “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp” **thành** “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp”.

+ Sửa đổi thủ tục “Cấp giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm” **thành** “Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm”.

- Lĩnh vực An toàn thực phẩm:

+ Thay thế 02 thủ tục “Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện” và thủ tục “Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện” **thành** 01 thủ tục “Cấp giấy

chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện”.

+ Thay thế 02 thủ tục “Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện” và thủ tục “Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện” **thành** 01 thủ tục “Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện”.

+ Sửa đổi thủ tục “Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương” **thành** thủ tục “Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương”.

- Lĩnh vực *Quản lý cạnh tranh*

+ Sửa đổi thủ tục “Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo” **thành** “Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp”.

- Lĩnh vực *thương mại Quốc tế:*

+ Thay thế thủ tục “Cấp Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện hoạt động quy định tại điểm b, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ” **thành 02 thủ tục** “Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn” và thủ tục “Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP”.

+ Thay thế 03 thủ tục: “Thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa, không bao gồm hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí”; “Thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện hoạt động quy định tại điểm b, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ”; “Thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện hoạt động quyền phân phối bán lẻ hàng hóa gồm gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí” **thành thủ tục** “Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”.

+ Sửa đổi thủ tục “Thông báo chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam” **thành** “Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương”.

+ Sửa đổi thủ tục “Cấp Giấy phép kinh doanh trường hợp để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa, không bao gồm hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí” **thành** “Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa”.

+ Sửa đổi thủ tục “Cấp lại Giấy phép kinh doanh” **thành** “Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”.

+ Sửa đổi thủ tục “Cấp Giấy phép thành lập cơ sở bán lẻ trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế” **thành** “Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)”.

+ Sửa đổi thủ tục “Thủ tục cấp Giấy phép thành lập cơ sở bán lẻ trường hợp phải thực hiện kiểm tra nhu cầu kinh tế” **thành** “Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)”.

+ Sửa đổi thủ tục “Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp thay đổi nội dung tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình cơ sở bán lẻ, trừ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất và trường hợp thay đổi loại hình cơ sở bán lẻ thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini; trường hợp điều chỉnh giảm diện tích cơ sở bán lẻ” **thành** “Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ”.

+ Sửa đổi thủ tục “Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất, được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m²” **thành** “Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m²”.

+ Sửa đổi thủ tục “Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại” **thành** “Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại”.

+ Sửa đổi thủ tục “Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini” **thành** “Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini”.

- Lĩnh vực điện: Sửa đổi phí, lệ phí đối với 04 thủ tục sau:

+ Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương.

+ Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 mw đặt tại địa phương.

+ Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương.

+ Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương tại Quyết định số 4515/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Bãi bỏ 02 thủ tục (01 thủ tục cấp tỉnh và 01 thủ tục cấp huyện) như sau:

a) *Cấp tỉnh*: Thủ tục Đăng ký lại Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công thương (*Lĩnh vực quản lý cạnh tranh*)

b) *Cấp huyện*: Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình điện trung thế. Lý do: không phù hợp quy định pháp luật. (*Lĩnh vực điện*)

Điều 3. Quyết định này thay thế các quyết định: Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 29/8/2018; Quyết định số 4515/QĐ-UBND ngày 20/12/2018; Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 21/01/2019; Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành công thương tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Sở Công thương; UBND cấp huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh; UBND cấp xã; Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Công thương cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia. Đồng thời, in ấn, photo đóng thành quyển các thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Trung tâm hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Công thương;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Công TTĐT tỉnh.

CHỦ TỊCH



Cao Tiên Dũng



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ
TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 298 /QĐ-UBND ngày 22 /01/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
I	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	
1	Thông báo hoạt động khuyến mại	
2	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	
3	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương	
4	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương	
5	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	
6	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	
II	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp	
7	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
8	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
9	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
10	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn Vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
11	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
12	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
13	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	

III	Lĩnh vực Hóa chất	
14	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	
15	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	
16	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	
17	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	
18	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	
19	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	
20	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyên hàng công nghiệp nguy hiểm	
IV	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
21	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	
22	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	
23	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
V	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
24	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
25	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
26	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
27	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
28	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
29	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
30	Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	

31	Cấp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
32	Cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
33	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
34	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
35	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
36	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
37	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
38	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
39	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
40	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
VI	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
41	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
42	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
43	Cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
44	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
45	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
46	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
47	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
48	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
49	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
VII	Lĩnh vực Kinh doanh khí	
50	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	

51	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
53	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
58	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
60	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
61	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
62	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
63	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
64	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
65	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
66	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
67	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
68	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
69	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
70	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	

71	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
72	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
73	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
VIII	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	
74	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
75	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
76	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	
77	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	
78	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	
IX	Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại	
79	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	
80	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	
X	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế	
81	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
82	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
83	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
84	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
85	Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	
86	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	
87	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	
88	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là	

	gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	
89	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	
90	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
91	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
92	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.	
93	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
94	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	
95	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
96	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	
97	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	
98	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	
99	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
100	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	
101	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	
XI	Lĩnh vực Điện	
102	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	
103	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	
104	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy	

	mô công suất dưới 03 mw đặt tại địa phương	
105	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 mw đặt tại địa phương	
106	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	
107	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	
108	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	
109	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	
110	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
111	Cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
XII	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa Thủy điện	
112	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	
113	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	
114	Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	
115	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
116	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	
XIII	Lĩnh vực Năng lượng	
117	Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh hợp phần quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp và hạ áp sau các trạm 110kv)	
XIV	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	
118	Cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm Công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	
XV	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương	

119	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
4	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	
5	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	
6	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	
7	Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	
9	Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	
II	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
10	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
11	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
III	Lĩnh vực Kinh doanh khí	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
IV	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương	
16	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	
V	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa Thủy điện	

17	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	
18	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	
VI	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
19	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	
20	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	
21	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân	
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa Thủy điện	
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	